TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày 29-4-2021
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phin;

Ông Nguyễn Văn Điển.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 13-12-2019, về tranh chấp về thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS, ngày 25-3-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS, ngày 16-4-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị DTMT; địa chỉ: Số nhà A, B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh DMT (tức DMC); địa chỉ: Số nhà 2 ngõ 1, B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị NLQ; địa chỉ: Số E đường F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 13-7-2019, bản tự khai đề ngày 13-12-2019; biên bản hòa giải ngày 17-3-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị DTMT) trình bày:

Ông I (sinh năm 1943) và bà J (sinh năm 1943) là vợ chồng và sinh được bốn người con gồm: Anh DMT (tức DMC), sinh năm 1967; chị NLQ, sinh năm 1969; anh K, sinh năm 1972 (đã chết năm 2003, khi chết thì anh K chưa có vợ con) và chị DTMT, sinh năm 1978. Bà J có nhận một người làm mẹ nuôi là cụ L, trú tại địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện O, Hải Phòng (cụ L đã chết vào khoảng năm 1996 -

1997). Khi ông I và bà J còn sống có tạo lập được khối tài sản chung là: Diện tích đất 126m^2 tại thửa đất số: K; địa chỉ: Số nhà M, phường N, quận O, Hải Phòng (nay là số nhà 2 ngõ 1 B, phường C, quận D, Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 415802 do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 01-8-2013 mang tên ông I. Năm 1999, ông I và bà J đã xây dựng trên đất đó một căn nhà cấp 4 (nhà một tầng) diện tích xây dựng khoảng 40 m2, tường xây gạch ba banh, lợp tôn xi măng để sinh hoạt cho gia đình.

Năm 2006, bà J chết, không để lại di chúc. Năm 2019, ông I chết. Khi còn sống, ông I đã lập di chúc để lại toàn bộ tài sản của mình trong khối tài sản chung với bà J cho con gái là DTMT. Di chúc của ông I được lập bằng văn bản vào ngày 04-6-2018 có sự chứng kiến của các người làm chứng là chị P, sinh năm 1994; ĐKNKTT tại địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường R, quận S, Hải Phòng và chị T, sinh năm 1995; ĐKNKTT và trú tại địa chỉ: Số nhà U, tổ dân phố C7, phường V, quận W, Hải Phòng. Ông X, sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà Y, đường Z, phường AA, quận H, Hải Phòng là Phó Giám đốc của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn AB - Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, là người trực tiếp giúp ông I soạn thảo nội dung và thực hiện toàn bộ việc lập di chúc.

Sau khi ông I mất chị DTMT đã nhiều lần yêu cầu anh DMT phải thực hiện theo nội dung di chúc của ông I nhưng anh DMT không đồng ý và mối quan hệ anh chị em trong gia đình ngày càng căng thẳng. Thực tế là chị DTMT và chị NLQ đã phải lập bàn thờ bố mẹ tại nhà của chị NLQ để thờ cúng vì không thể sang nhà anh DMT được. Hiện nay, toàn bộ diện tích đất và nhà nêu trên do con trai ông I là DMT đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 415802 do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 01-8-2013 mang tên ông I đối với nhà và đất nêu trên thì hiện tại đang do chị DTMT cất giữ.

Chị DTMT có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của ông I và bà J và giao cho chị DTMT được sở hữu, sử dụng toàn bộ di sản của ông I và bà J vì chị DTMT cho rằng phần mà chị DTMT được hưởng là lớn hơn gấp nhiều lần so với phần mà anh DMT sẽ được hưởng. Chị DTMT sẽ có trách nhiệm thanh toán phần giá trị di sản thừa kế cho anh DMT và chị NLQ bằng tiền mặt. Do anh DMT là con trai duy nhất còn lại và hoàn cảnh kinh tế có khó khăn nên chị DTMT rất thông cảm và tự nguyện hỗ trợ thêm cho anh DMT 100.000.000 đồng bao gồm các khoản: Công sức quản lý và duy trì di sản và chi phí di chuyển chỗ ở. Trường hợp sau này khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh DMT tự nguyện bàn giao nhà cho chị DTMT và không phải cưỡng chế thi hành án thì khi đó chị DTMT sẽ tiếp tục hỗ trợ thêm cho anh DMT số tiền còn lại để tổng cộng anh DMT được nhận số tiền là 650.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền mà chị DTMT và chị NLQ đã phải vay mượn người khác để chi phí điều trị cho ông I trong suốt một năm nằm viện thì chị DTMT sẽ có trách nhiệm trang trải toàn bộ và không có yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Đối với bị đơn (anh DMT), sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng bị đơn không thực hiện việc làm bản tự khai trình bày ý kiến của mình gửi đến Tòa án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17-3-2021, anh DMT có mặt và trình bày ý kiến xác nhận toàn bộ các thông tin về di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế của ông I và bà J như nguyên đơn trình bày là đúng. Anh DMT cũng xác nhận đang trực tiếp quản lý và sử dụng ngôi nhà và đất (tại địa chỉ: Số nhà 2 ngõ 1, B, phường C, quận D, Hải Phòng) là di sản thừa kế của ông I và bà J để lại. Anh DMT cũng đã nhận được Thông báo về kết luận định giá tài sản và không có ý kiến gì. Anh DMT xác định đây là di sản của bố mẹ để lại nên anh DMT đề nghị để cho anh được hưởng riêng số tiền 1.000.000.000 đồng là tiền hương hỏa và anh sẽ có trách nhiệm thờ cúng bố mẹ và em trai cùng ông bà tổ tiên gia đình. Phần còn lại là số tiền khoảng 1.500.000.0000 đồng thì sẽ chia đều cho ba anh em gồm: Anh DMT, chị NLQ và chị DTMT mỗi người khoảng 500.000.000 đồng. Anh DMT đề nghị được nhận sử dụng nhà và đất và có trách nhiệm trả tiền cho chị NLQ và chị DTMT.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị NLQ trình bày: Tôi (NLQ) xác nhận toàn bộ các nội dung về di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế của ông I và bà J như nguyên đơn và bị đơn đã trình bày ở trên và không có ý kiến bổ sung hay phản đối gì khác. Tôi, anh DMT và chị DTMT là ba anh em ruột. Tôi không muốn giữa các anh em với nhau có mâu thuẫn. Lúc bố tôi ốm đau nằm viện, anh DMT không hề có trách nhiệm cùng với hai chị em tôi chăm sóc bố. Khó khăn chồng chất vì bố tôi nằm viện và luôn sống phải có trợ giúp của máy thở, chi phí để lo cho ông I nằm viện khoảng 1.000.000 (một triệu) đồng/ngày và kéo dài khoảng gần một năm (thiếu 02 ngày là tròn một năm). Tôi và chị DTMT phải đi vay mượn tiền để lo chi phí điều trị cho bố. Thực sự tôi không muốn giữa anh em có mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản của bố mẹ tôi theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng quy định của

pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ thêm một số vấn đề:

- Di chúc của ông I được lập tại Bệnh viện AC nên cần xác minh về việc ông I có đủ minh mẫn, tỉnh táo để nhận thức và điều khiển hành vi của mình vào thời điểm lập Di chúc hay không;

- Kết luận định giá tài sản được lập vào ngày 27-8-2020 nên đến nay đã quá 6 tháng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật giá và mục 7 phần II Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06-3-2015 của Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Viện Kiểm sát đề nghị Tòa án tiến hành định giá lại tài sản là di sản thừa kế bao gồm toàn bộ diện tích 126 m2 đất và nhà tại số 2 ngõ 1, B, C, D để đảm bảo cho sát với giá thị trường;

- Xác minh việc anh DMT có vi phạm về nghĩa vụ nuôi dưỡng chăm sóc bố mẹ hay không để xác định anh DMT có vi phạm về nghĩa vụ đối với người để lại di sản không;

- Xác minh việc anh DMT đã về ở ngôi nhà của ông I từ khi nào và có tôn tạo, sửa chữa thêm được gì đối với di sản không.

Về nội dung giải quyết vụ án: Do yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ thêm một số vấn đề có liên quan không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Kiểm sát viên không phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản. Bị đơn là cá nhân có địa chỉ thường trú tại quận D nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý giải quyết và xác định đây là vụ án tranh chấp về dân sự theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật được áp dụng: Thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất (bà J chết ngày 03-12-2006) thì Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Thời điểm mở thừa kế lần thứ hai (ông I chết ngày 21-02-2019) là sau ngày 01 tháng 7 năm 2016 (là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành). So sánh các quy định về thừa kế giữa Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015 không khác nhau nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cần áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về thời hiệu: Ngày 13-7-2019, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế. Áp dụng Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cả bà J và ông I vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ thêm một số vấn đề liên quan, cụ thể: Ông I có đủ minh mẫn, tỉnh táo để nhận thức và điều khiển hành vi của mình vào thời điểm lập Di chúc hay không; Đề nghị Tòa án tiến hành định giá lại di sản thừa kế nêu trên cho sát với giá thị trường; Xác minh về việc ông DMT có vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng đối với người để lại di sản không và xác minh ông DMT có tôn tạo, sửa chữa thêm được gì đối với di sản không.

[6] Sau khi thảo luận tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy không có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu ngừng phiên tòa để xác minh và làm rõ các vấn đề mà đại diện Viện Kiểm sát đã đưa ra, cụ thể:

[6.1] Việc xác định ông I có minh mẫn, tỉnh táo khi lập Di chúc, thấy: Ông I nhập viện từ tháng 02 năm 2018. Theo giấy chứng tử thì ông I chết ngày 21-02-2019, nguyên nhân chết: Suy hô hấp do bị tắc canuyn. Như vậy, từ thời điểm lập di chúc (ngày 04-6-2018) cho đến khi ông I chết là hơn 08 (tám) tháng. Tại Biên bản hòa giải ngày 19-6-2018 do UBND phường C lập, do ông I đang nằm điều trị tại bệnh viện nên đã ủy quyền bằng văn bản cho ông X để giải quyết việc phân chia di sản của bà J (vợ ông I) đối với anh DMT. Điều này cũng đã thể hiện rõ ý chí của ông I tại thời điểm còn sống. Mặt khác, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17-3-2021, các bên đương sự đều có mặt và không ai có ý kiến phản đối về Di chúc của ông I.

[6.2] Về việc định giá lại: Sau khi có Kết luận định giá tài sản ngày 27-8-2020, Tòa án đã thông báo bằng văn bản cho các bên đương sự về kết quả định giá tài sản; tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày ngày 17-3-2021, anh DMT là người đang quản lý và sử dụng tài sản xác nhận đã nhận được thông báo và không có ý kiến phản đối gì về việc định giá. Tại phiên tòa chị DTMT và chị NLQ đều có ý kiến không đề nghị định giá lại vì giá trị của tài sản không có sự thay đổi so với thời điểm định giá. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu định giá lại mà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã nêu ra.

[6.3] Về yêu cầu xác minh anh DMT đã về ở ngôi nhà của ông I từ khi nào và có tôn tạo, sửa chữa thêm được gì đối với di sản không và xác minh việc anh DMT vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng chăm sóc đối với người để lại di sản hay không là không cần thiết, bởi lẽ: Tại buổi định giá tài sản anh DMT không hợp tác, không mở cửa cho các thành viên Hội đồng định giá vào làm việc và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh DMT cũng không có bất cứ một ý kiến hay yêu cầu cụ thể gì về công sức đóng góp, tôn tạo và sử dụng di sản. Tại phiên tòa, nguyên đơn nêu ý kiến tự nguyện hỗ trợ cho anh DMT số tiền 100.000.000 đồng bao gồm các khoản: Công sức quản lý và duy trì di sản; chí phí sửa chữa nhỏ đối với di sản (nếu có) và chi phí để di chuyển chỗ ở trong trường hợp phải bàn giao lại nhà và đất có tranh chấp. Tại phiên tòa, nguyên đơn (chị DTMT) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị NLQ) đều xác nhận: Sau khi bà J mất, đến khoảng năm 2010 thì anh DMT mới dọn về ở cùng ông I và sau đó tìm cách đưa cả vợ con về sống cùng. Chị DTMT và chị NLQ đều không có ý kiến gì về việc ông DMT vi phạm nghĩa vụ chăm sóc đối với bà J. Quá trình vợ chồng anh DMT về sinh sống cùng ông I đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đánh cãi nhau thường xuyên nên ông I không thể chịu đựng được và phải bỏ nhà đi sống nhờ nhà các con gái. Thậm trí đã có thời gian ông I phải về quê Vĩnh Bảo sống cùng em gái. Ông I đã có đơn gửi UBND phường C đề nghị về việc không cho phép anh DMT chuyển nhượng, sửa chữa, xây mới hoặc làm thay đổi hiện trạng của ngôi nhà. Tại Di chúc, ông I đã định đoạt toàn bộ di sản của mình cho chị DTMT được thừa hưởng. Do vậy việc xác định nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng của anh DMT đối với ông I là không cần thiết và không có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

[7] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi bà J và ông I chết, các thành viên trong gia đình không thống nhất được việc phân chia tài sản của ông I và bà J để lại nên đã xảy ra tranh chấp. Nguyên đơn (chị DTMT) đã khởi kiện bị đơn (anh DMT) yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

[8] Về thời điểm mở thừa kế: Bà J chết ngày 03-12-2006. Ông I chết ngày 21-02-2019. Do vậy thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất là ngày 03-12-2006 và thời điểm mở thừa kế lần thứ hai là ngày 21-02-2019.

[9] Về hàng thừa kế thứ nhất: Bố mẹ đẻ của ông I và bố mẹ đẻ của bà J đều đã chết trước thời điểm mở thừa kế. Bà J có người mẹ nuôi là cụ AD. Tại các biên bản xác minh của Tòa án đã xác định cụ Đắm chết đã chết trước thời điểm mở thừa kế của bà J (khoảng năm 1996-1997). Ông I và bà J có 04 (bốn) người con gồm: Anh DMT, chị NLQ, anh K (đã chết năm 2003, khi chết thì anh K chưa có vợ con) và chị DTMT. Ông I và bà J không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Như vậy, khi bà J chết thì hàng thừa kế thứ nhất của bà J gồm: Ông I, anh DMT, chị NLQ và

chị DTMT. Các bên đương sự trong vụ án đều xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông I gồm ba người là: Anh DMT, chị NLQ và chị DTMT.

[10] Về di sản thừa kế: Ông I và bà J có quan hệ là vợ chồng. Khi còn sống, ông I và bà J có tạo lập được khối tài sản chung là: Giá trị quyền sử dụng diện tích đất 126m^2 tại thửa đất số: K; địa chỉ: Số nhà M, phường N, quận O, Hải Phòng (nay là số nhà 2 ngõ 1 B, phường C, quận D, Hải Phòng), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 415802 do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 01-8-2013 mang tên ông I. Năm 1999, ông I và bà J đã xây dựng trên đất một căn nhà cấp 4 (nhà một tầng) diện tích xây dựng khoảng 40 m2, tường xây gạch ba banh, lợp tôn xi măng. Năm 2006, bà J chết, ông I tiếp tục quản lý tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất nêu trên. Đến năm 2019, ông I chết. Vì vậy, di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất diện tích 126m^2 và nhà nêu trên. Ngoài ra các bên không tranh chấp về tài sản nào khác.

[11] Tại Kết luận định giá tài sản ngày 27-8-2020 của Hội đồng định giá UBND quận D đã kết luận:

Về giá trị đất theo quy định của UBND thành phố Hải Phòng là 1.200.000 đồng/m2: 126 m x 1.200.000 đồng = 151.200.000 đồng. Giá chuyển nhượng thực tế là: 126m x 20.000.000 đồng = 2.520.000.000 đồng.

Về giá trị vật kiến trúc sau khấu hao (tính 16%) tại thời điểm định giá là: 32.552.800 đồng. Tổng giá trị đất (theo giá chuyển nhượng thực tế) và tài sản trên đất là: 2.520.000.000 đồng + 32.552.800 đồng = 2.552.552.800 đồng.

[12] Về hiệu lực của Di chúc: Di chúc của ông I được lập vào ngày 04-6-2018 có sự chứng kiến của các người làm chứng là chị P; ĐKNKTT tại địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường R, quận S, thành phố Hải Phòng và chị T; ĐKNKTT tại: Số nhà U, tổ dân phố C7, phường V, quận W, thành phố Hải Phòng. Các người làm chứng đều trình bày được chứng kiến việc ông I điểm chỉ vào Di chúc trong trạng thái minh mẫn và không bị lừa dối, đe dọa hoặc bị cưỡng ép. Nội dung Di chúc ông I để lại cho con gái là DTMT được thừa hưởng toàn bộ giá trị tài sản của ông được hưởng có trong khối tài sản chung với bà J, là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Xét thấy Di chúc ông I lập có nội dung và hình thức hoàn toàn phù hợp với quy định tại các điều 630, 631, 632 và 634 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, Di chúc là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[13] Về chia di sản thừa kế:

[13.1] Về chia di sản thừa kế của bà J để lại:

- Phần tài sản của ông I được chia trong khối tài sản chung với bà J (mở thừa kế lần thứ nhất) là: 2.552.552.800 đồng : 2 = 1.276.276.400 đồng.

- Phần tài sản ông I cùng các con là anh DMT, chị NLQ và chị DTMT mỗi người đều được hưởng khi phân chia di sản thừa kế của bà J là: 1.276.276.400 đồng : 4 = 319.069.100 đồng/người.

Như vậy, tổng giá trị tài sản của ông I được chia là: 1.276.276.400 đồng + 319.069.100 đồng = 1.595.345.500 đồng.

[13.2] Ông I đã định đoạt theo Di chúc để lại cho chị DTMT được thừa hưởng toàn bộ phần tài sản của mình trị giá 1.595.345.500 đồng nên tổng giá trị tài sản mà chị DTMT được hưởng, được chia theo di chúc sẽ là: 1.595.345.500 đồng (được hưởng theo di chúc của ông I) + 319.069.100 đồng (do được chia di sản của bà J) = 1.914.414.600 đồng.

[14] Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật mà cụ thể là nhận sử dụng toàn bộ nhà và đất nêu trên và sẽ có trách nhiệm chi trả, thanh toán phần giá trị di sản được phân chia bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Tuy nhiên, xét thấy phần giá trị tài sản mà anh DMT được hưởng chỉ chiếm một phần nhỏ so với phần mà chị DTMT được hưởng trong khối tài sản phân chia như đã nêu trong mục [13.1] và [13.2]. Vì vậy, cần giao toàn bộ tài sản trên cho chị DTMT và buộc chị DTMT phải thanh toán giá trị phần di sản thừa kế bằng tiền cho những người thừa kế còn lại tương ứng với phần những người này được hưởng. Chị DTMT xác nhận đang cất giữ và quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 415802 do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 01-8-2013 mang tên ông I nên khi ông DMT phải bàn giao nhà và đất nêu trên thì không phải có nghĩa vụ bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

[16] Tại phiên tòa, chị DTMT nêu ý kiến: Do anh DMT là con trai duy nhất còn lại và hoàn cảnh kinh tế có khó khăn nên chị DTMT rất thông cảm và xin được tự nguyện hỗ trợ thêm cho anh DMT số tiền là 100.000.000 đồng bao gồm các khoản: Công sức quản lý và duy trì di sản và chi phí di chuyển chỗ ở. Trường hợp sau này khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh DMT tự nguyện bàn giao nhà cho chị DTMT và không phải cưỡng chế thi hành án thì khi đó chị DTMT sẽ tiếp tục hỗ trợ thêm cho anh DMT số tiền còn lại để tổng cộng anh DMT được nhận số tiền là 650.000.000 đồng. Xét ý kiến của chị DTMT là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[17] Về án phí: Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tính trên giá trị tài sản được nhận. Cụ thể các khoản tiền làm cơ sở để tính án phí như sau:

[18] Nguyên đơn (chị DTMT) phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là: 36.000.000 đồng + [(1.914.414.600 đồng - 800.000.000 đồng) x 3%] = 69.432.438 đồng. Trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện là 18.000.000 đồng theo biên lai số

AA/2014/0008491, ngày 12-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng thì nguyên đơn còn phải nộp tiếp số tiền là: 51.432.438 đồng.

[19] Bị đơn (anh DMT) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị NLQ) mỗi người đều phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 319.069.100 đồng x 5% = 15.953.455 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 609, 610, 611, 612, 613, 630, 631, 632, 634, 649, 650, 651, 659 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản thừa kế của nguyên đơn (chị DTMT) đối với bị đơn (anh DMT, tức: DMC).

1. Chị DTMT được quyền sử dụng tài sản là diện tích đất 126m^2 và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số: K; địa chỉ: Số nhà M, phường N, quận O, Hải Phòng (nay là số nhà 2 ngõ 1, B, phường C, quận D, Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 415802 do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 01-8-2013 đứng tên ông I.

2. Anh DMT phải giao lại toàn bộ tài sản là diện tích đất 126m^2 và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số: K; địa chỉ: Số nhà M, phường N, quận O, Hải Phòng (nay là số nhà 2 ngõ 1, B, phường C, quận D, Hải Phòng, cho chị DTMT.

3. Ngay sau khi anh DMT giao lại tài sản nêu trên, chị DTMT phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản thừa kế bằng tiền cho anh DMT là 319.069.100 đồng *(ba trăm mười chín triệu không trăm sáu chín nghìn một trăm đồng)*.

4. Chị DTMT phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản thừa kế bằng tiền cho chị NLQ là 319.069.100 đồng *(ba trăm mười chín triệu không trăm sáu chín nghìn một trăm đồng)*.

5. Ghi nhận việc chị DTMT tự nguyện hỗ trợ anh DMT số tiền 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng chẵn)*.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Chị DTMT có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai để được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn (chị DTMT) phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 69.432.438 đồng *(sáu mươi chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm ba tám đồng)*. Trừ đi số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện là 18.000.000 đồng *(mười tám triệu đồng chẵn)* theo biên lai số AA/2014/0008491, ngày 12-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng thì nguyên đơn còn phải nộp tiếp số tiền án phí là: 51.432.438 đồng *(năm mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm ba tám đồng)*.

Bị đơn (anh DMT) và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị NLQ) mỗi người đều phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 15.953.455 đồng *(mười lăm triệu chín trăm lăm ba nhìn bốn trăm lăm mươi lăm đồng)*.

9. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tp Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quang Kiên